

THÔNG BÁO

**Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng
công trình: Đường nội thị, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên**

Kính gửi: UBND huyện Bắc Yên

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Quyết định số 19/2025/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của UBND tỉnh Sơn La về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường nội thị, Thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên;

Căn cứ Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện Bắc Yên về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (bước BVTC) dự án: Đường nội thị, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên;

Căn cứ Thông báo số 88/TB-BQL ngày 29/7/2024 của Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện Bắc Yên về việc khởi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng Đường nội thị, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên;

Sở Xây dựng tỉnh Sơn La thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư và các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng trong quá trình thi công xây dựng công trình: Đường nội thị, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình: Đường nội thị, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên.

2. Địa điểm xây dựng: Huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

3. Loại và cấp công trình: Công trình giao thông, đường đô thị cấp II.

4. Thông số chính của công trình

Theo Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện Bắc Yên về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (bước BVTC) dự án Đường nội thị, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, với quy mô xây dựng và các giải pháp kỹ thuật gồm:

4.1. Quy mô: Tuyến đường được thiết kế theo TCVN 104-2007: Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế; cấp đường, đường chính khu vực (theo QCVN 07-4:2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật); cấp đường cấp II, miền núi, chiều dài tuyến khoảng 2,462 Km.

4.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu: Tốc độ thiết kế: $V_{tk} = 50\text{km/h}$; Chiều rộng nền đường $B_n = 25,0\text{ m}$; Chiều rộng mặt đường $B_m = 16,0\text{m}$; Chiều rộng vỉa hè: $B_h = 2 \times 4,5\text{m} = 9,0\text{ m}$; Mở rộng, siêu cao theo tiêu chuẩn; Độ dốc ngang: Mặt đường $I_m = 2\%$, lề đường $I_h = 1\%$; Độ dốc dọc $I_{\max} = 6\%$ (*Châm trước $I_{cc} = 8\%$*); Bán kính cong nằm tối thiểu: $R_{\min} = 80,0\text{m}$; Bán kính đường cong lồi tối thiểu: $R_{\text{lồi min}} = 800\text{m}$; Bán kính đường cong lõm tối thiểu: $R_{\text{lõm min}} = 700\text{m}$; Mở rộng trong đường cong theo tiêu chuẩn; Chiều dài đường cong đứng tối thiểu: $L_{\text{cdmin}} = 80\text{m}$; Chiều dài đôi dốc tối thiểu $L_{\min} = 80\text{m}$; Mặt đường cấp cao A1, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 155\text{ Mpa}$.

4.2.1. Bình đồ: Trên cơ sở quy hoạch chi tiết được duyệt theo quyết định 2852/QĐ- UBND ngày 21/11/2021 của ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La “Bản vẽ điều chỉnh cục bộ quy hoạch giao thông thuộc đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên giai đoạn 2016 -2025, định hướng đến năm 2030. Tuyến đi trùng với quy hoạch được phê duyệt. Tuyến đi qua các nút G104*, G106, G108, G110, G114, G115, G116A, G116B, G116C, G116D, G116E, G116F, G116G, G116H, G128. Các nút giao được thiết kế cùng mức. Tại các vị trí giao cắt với đường ngang để tăng tính êm thuận và đảm bảo an toàn cho xe chạy, bán kính bó vỉa được thiết kế với $R \geq 8\text{m}$. Thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật $V_{tk} = 50\text{km/h}$, tuân thủ QCVN07:2016/BXD.

4.2.2. Trắc dọc: Trắc dọc được thiết kế theo nguyên tắc kết hợp hài hoà giữa các yếu tố bằng và các yếu tố đứng, phù hợp bình đồ và cao độ quy hoạch được duyệt, cốt cao độ đã được thống nhất với chủ đầu tư, cao độ thực tế địa hình, cao độ xây dựng các công trình trên tuyến, đảm bảo tiêu chuẩn thiết kế, êm thuận trong quá trình vận hành xe, đảm bảo ổn định nền, mặt đường các công trình trên đường và các công trình lân cận. Độ dốc dọc lớn nhất sử dụng $I_{\max} = 6\%$ (*châm trước $I_{ct} = 8\%$ tại những vị trí khó khăn*) đối với đường đô thị (*đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật*).

4.2.3. Trắc ngang: Trắc ngang tuyến đường được thiết kế theo quy mô đạt tiêu chuẩn đường phố chính khu vực với các thông số kỹ thuật chủ yếu sau: Chiều rộng nền đường $B_n = 25,0\text{m}$; Chiều rộng mặt đường $B_m = 16,0\text{m}$; Chiều rộng vỉa hè: $B_h = 2 \times 4,5\text{m} = 9,0\text{m}$; Độ dốc ngang mặt đường: $I_m = 2,0\%$; Độ dốc vỉa hè:

$I_h=1,0\%$. Đối với nền đường trong đường cong được bố trí siêu cao và mở rộng theo quy trình thiết kế.

4.2.4. Kết cấu mặt đường

Tuyến chính có cấu tạo mặt đường được lựa chọn loại tầng mặt: Cấp cao A1, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 155$ Mpa.

a) Tuyến chính: Thiết kế kết cấu mặt đường bê tông xi măng kết cấu từ trên xuống như sau: Lớp mặt bê tông xi măng cấp độ bền B27.5 (*mác 350*) dày 24cm/ Láng nhựa dày 1,0cm (*tiêu chuẩn nhựa 1,2 kg/ m²*)/Cấp phối đá dăm loại I dày 18cm (*gia cố xi măng 5%*)/Đất nền $K \geq 0,98$ dày 50 cm.

b) Đối với 02 nút giao (*đầu tuyến, cuối tuyến giao với QL.37*): Thiết kế kết cấu mặt đường bê tông nhựa, kết cấu từ trên xuống như sau: Bê tông nhựa chặt C12.5 dày 5cm/Tưới nhựa dính bám nhũ tương tiêu chuẩn nhựa 0.5 kg/m²/Bê tông nhựa chặt C19 dày 7cm/Tưới nhựa thấm bám (*MC70*) tiêu chuẩn nhựa 1.0 kg/m²/Cấp phối đá dăm loại I dày 18cm/Cấp phối đá dăm loại II dày 24cm/Đất nền $K \geq 0,98$ dày 50cm.

c) Đối với phạm vi mặt đường cũ trên QL.37: Tiến hành vệ sinh, tưới nhựa dính bám nhũ tương 0.5kg/m², thảm tăng cường bê tông nhựa C12.5 dày 5cm kết hợp bù vênh.

d) Mặt đường vượt nối các ngõ, hoàn trả đường nội bộ tuyến cắt qua: Thiết kế tải trọng trục thiết kế 60kN theo đường giao thông nông thôn-yêu cầu thiết kế TCVN-10380:2014. Kết cấu trên xuống dưới như sau: Lớp mặt bê tông xi măng cấp độ bền B20 (*mác 250*) dày 16cm/Lớp nilon ngăn cách/Lớp cấp phối đá dăm loại I dày 10 cm.

4.2.5. Thiết kế nền đường

a) Nền đắp

- Đối với nền đắp thiết kế đào bỏ lớp phủ hữu cơ dày bình quân (30-50)cm, đào bỏ cỏ cây trên nền thiên nhiên; những đoạn tuyến đi qua ao, hồ, nền đường sinh lún thì thiết kế vét bùn, vét bỏ đất yếu đến đất nguyên thổ, ổn định trong phạm vi đắp mở rộng nền. Toàn bộ khối lượng đào bỏ đi được thay thế bằng đất hoặc cấp phối tự nhiên đảm bảo yêu cầu đất đắp theo quy định.

- Tại những đoạn tuyến có độ dốc ngang $\geq 20\%$ cần phải tiến hành đánh cấp rộng tối thiểu 1,0m, dốc 5% vào trong để tăng liên kết giữa đất hiện tại và đất đắp, chống trượt lở, đảm bảo ổn định nền đắp. Khi nền đắp gặp phải lớp đất không thích hợp (*đất hữu cơ*) cần phải đào bỏ lớp đất không thích hợp này và thay thế bằng đất có chỉ tiêu cơ lý tốt theo chỉ dẫn kỹ thuật, sau đó đầm chặt theo yêu cầu về độ chặt của đất nền đường. Nền đắp dùng cơ giới là chính. Tại các vị trí không đầm được bằng máy phải sử dụng đầm thủ công theo chỉ dẫn kỹ thuật.

- Đất đắp nền đường một phần được điều phối dọc tận dụng từ đất đào nền có chọn lọc; phần còn thiếu khai thác và vận chuyển từ mỏ đất dọc tuyến; các mỏ đất trước khi tiến hành khai thác đều phải được thí nghiệm chỉ tiêu cơ lý xem xét quyết định. Đồng thời phải đảm bảo mỏ đất đắp đã được sự đồng ý của

địa phương, không gây ảnh hưởng đến an toàn, bền vững các công trình lân cận.

- Khi đắp đất phải thí nghiệm đầm lèn hiện trường trước khi đắp, đầm lèn đồng loạt trên toàn tuyến. Độ dốc taluy đắp đất $i = 1/1,50$.

- Đối với nền đường đắp cao trên 10m thì tiến hành đắp giạt cơ để tạo ổn định nền đắp. Cứ 6m trên chiều cao đắp tiến hành giạt cơ, chiều rộng bậc cơ là 2m, độ dốc bậc cơ là 4% và hướng ra ngoài nền đường.

- Độ chặt đầm lèn quy định cho lớp đất cấp phối dày 50cm của nền đường đào đắp đất, dưới đáy áo đường là $K \geq 0,98$. Các lớp còn lại của nền đường đắp, nền thiên nhiên, nền đào phải đảm bảo độ chặt lu lèn $K \geq 0,95$.

b) Nền đào

- Căn cứ vào địa chất cụ thể từng đoạn và thể nằm của đất đá để thiết kế độ dốc mái ta luy mới khi xây dựng nền đường đào ta luy 1/0,5-1/0,75; các đoạn đào qua nền đá, tùy theo điều kiện địa chất mà thiết kế ta luy đào cho phù hợp.

- Đối với nền đường có địa chất là đất cấp 3, cấp 4, đá cấp IV (*đá mềm*) phong hóa mạnh: Trắc ngang có chiều cao mái ta luy đào cao trên 9m, được thiết kế cắt cơ giảm tải, chiều rộng cơ 2m, độ dốc 4% hướng ra ngoài ta luy để thoát nước.

- Đối với nền đường có địa chất là đá cấp IV (*đá cứng*) phong hóa nhẹ: Trắc ngang có chiều cao mái ta luy đào cao trên 12m, được được thiết kế cắt cơ giảm tải, chiều rộng cơ từ 2m; độ dốc bậc 4% hướng ra ngoài ta luy để thoát nước.

4.2.6. Thiết kế hè phố

a) Vía hè: Bố trí vỉa hè mỗi bên rộng $B=4,5m$. Kết cấu vỉa hè như sau: hai bên hè phố lát gạch Bê tông giả đá dày 4,5cm, dưới đệm vữa xi măng mác 100 dày 2cm/ bê tông xi măng cấp độ bền B7.5 (*mác 100*) dày 8cm. Trên hè phố bố trí các hố trồng cây, cự ly 10m/hố. Các hố này được bố trí dọc 2 bên trên hè phố.

b) Bó vỉa, rãnh đan - Bó vỉa hè phố dạng vát, bằng Bê tông giả đá, kích thước (80x26x23)cm cho đoạn đường thẳng, kích thước (50x26x23)cm cho đoạn đường cong, lót vữa xi măng mác 100 dày 2cm, dưới đệm bằng bê tông xi măng cấp độ bền B12.5 (*mác 150*) dày 8cm đổ tại chỗ.

- Bó gáy hè phố bằng bê tông xi măng cấp độ bền B15 (*mác 200*) kích thước 20x20cm đổ tại chỗ trên lớp lót vữa xi măng mác 100 dày 2cm.

- Rãnh đan: Đối với đoạn mặt đường bê tông xi măng, rãnh đan được thiết kế tạo dốc 10% về phía vỉa hè khi thi công đồng thời cùng mặt đường. Đối với đoạn mặt đường bê tông nhựa (*02 nút giao đầu tuyến và cuối tuyến*): Thiết kế tám đan rãnh tam giác bằng bê tông xi măng cấp độ bền B20 (*mác 250*) lắp ghép, kích thước (50x30x5)cm/lớp vữa xi măng mác 100 dày 2cm/lớp móng bê tông xi măng cấp độ bền B12.5 (*mác 150*) dày 10cm.

c) Cây xanh: Trên hè bố trí trồng cây xanh với khoảng cách 10m/1 cây, cây xanh trên tuyến đúng chủng loại cây xanh đô thị, phù hợp điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu và loại cây trên địa bàn. Bồn cây kích thước 120x120cm bằng

bê tông xi măng cấp độ bền B20 (*mác 250*) lắp ghép, lớp đệm vữa xi măng mác 100 dày 2cm, lớp móng bê tông xi măng cấp độ bền B12.5 (*mác 150*) dày 8cm.

4.2.7. Thiết kế nút giao: Thiết kế nút giao đồng mức, đồng bộ và hoàn chỉnh phù hợp với quy hoạch được duyệt, đảm bảo xe chạy an toàn, êm thuận; các giao cắt khác (*đường giao dân sinh, ngõ xóm hiện tại ...*) được thiết kế vượt nổi giao bằng có cấm biển báo chỉ dẫn, ưu tiên và đảm bảo tầm nhìn trên các đường không ưu tiên, kết hợp với các vị trí mở dải phân cách cho xe quay đầu. Trên tuyến có tổng 27 nút giao, thiết kế nút giao thông cùng mức. Đối với 02 nút giao (*đầu tuyến, cuối tuyến giao với QL.37*) được thiết kế kết cấu mặt đường bê tông nhựa/móng cấp phối đá dăm đảm bảo êm thuận, mỹ quan, vượt nổi hài hòa với QL.37. Các vị trí nút giao trong tuyến đơn giản (*theo hiện trạng và theo quy hoạch*), thiết kế đảm bảo góc giao, bán kính đường cong ra vào nút, dốc dọc nút, phù hợp địa hình, quy hoạch, đảm bảo xe ra vào an toàn; kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng (*chi tiết theo hồ sơ thiết kế BVTC*).

4.2.8. Công trình trên tuyến

a) Thiết kế hệ thống nước sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy

- Thiết kế đường ống HDPE D110 dọc hai bên tuyến có chiều dài $L=4.800m$, để chờ đầu nối tránh sau khi các dự án xung quanh triển khai, hạn chế đào lắp làm ảnh hưởng đến vỉa hè, các kết cấu hạ tầng kỹ thuật khác. Toàn bộ hệ thống ống chạy dọc hai bên tuyến dưới vỉa hè. Sau này hình thành các cụm dân cư hai bên tuyến sẽ thiết kế các hố van xả cạn, hố van xả khí, hố van điều tiết vào giai đoạn. Các vị trí đầu nối hình thành trọng giai đoạn sau.

- Trên tuyến thiết kế bố trí các trụ cứu hỏa ba cửa D65 dọc theo tuyến ống cấp nước truyền tải D110, khoảng cách tối đa giữa các trụ cứu hỏa không vượt quá 150m. Các trụ cứu hỏa được bố trí trên vỉa hè tại các điểm ngã ba, ngã tư của đường và cách mép đường giao thông 65cm. Trụ cứu hỏa đặt cao hơn mặt hè hoàn thiện 70cm.

b) Hệ thống thu nước mặt đường

- Nước mặt đường được thu vào rãnh đan dọc tuyến sau đó thoát vào hố ga thu tại mép đường với khoảng cách 30m/1 hố ga. Nước được thu vào các hố ga thoát theo hệ thống cống dọc đến các vị trí thoát nước ngang, vị trí cửa xả.

- Thiết kế hệ thống cống dọc có đường kính trong là (D800-D1500)mm bằng bê tông cốt thép mác 300, chiều dài mỗi đốt 250cm, dày (10-14)cm, dưới đệm móng bằng đá dăm dày (10-20)cm.

- Hố ga thu nước được thiết kế bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (*mác 200*) dày 30 cm, đế hố thu bằng bê tông xi măng cấp độ bền B15 (*mác 200*) dày 40cm, đáy đệm đá dăm dày 10 cm. Tấm đan nắp hố thu bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (*mác 250*) lắp ghép. Các hố thu được bố trí cách nhau trung bình 30m/ hố.

- Cửa thu bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (*mác 200*), đệm móng dày 5cm, phía trên có tấm chắn rác kích thước (86x29x3)cm. Cửa thu được theo

vị trí hồ thu, trung bình 30m/cửa.

c) Hệ thống thoát nước ngang

- Cống ngang: Tại các vị trí tuyến cắt qua khe tụ thủy, bố trí các cống tròn đường kính (1,0-2,0)m bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (*mác 200*), cống hộp bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B22.5 (*mác 300*) khẩu độ phù hợp điều kiện địa hình, tần suất $P=4\%$ (*số lượng, loại cống theo hồ sơ thiết kế BVTC*).

- Mương thoát nước:

+ Tại cọc 13Km0+150,95 (*phải tuyến*): Thiết kế mương thu nước đầu nối với cống bản từ đường ngang hiện có (thoát nước khe phía thượng lưu) dẫn vào hệ thống cống dọc. Chiều dài mương $L=60m$, kích thước mương $B \times H=(1 \times 1)m$. Kết cấu mương bằng bê tông xi măng cấp độ bền B15 (*mác 200*) dày 20 cm; trên thành thiết kế hộ lan bằng bê tông xi măng cấp độ bền B15 (*mác 200*) đổ tại chỗ, thanh chống bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (*mác 200*) đổ lắp ghép.

+ Tại cọc 25 Km0+325,16m (*phải tuyến*): Thiết kế mương thu nước từ mương cũ vào hệ thống cống dọc. Chiều dài mương $L=62m$, kích thước mương $B \times H=(0,5 \times 0,7)m$. Kết cấu mương bằng bê tông xi măng cấp độ bền B15 (*mác 200*) dày 10 cm; thiết kế tấm nắp đáy bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (*mác 200*) đổ lắp ghép.

d) Thiết kế hệ thống chiếu sáng

- Thiết kế 155 vị trí chiếu sáng năng lượng, khung móng M24-300x300x675 chôn sẵn trong móng bê tông xi măng cấp độ bền B15 (*mác 200*).

- Cột thép bát giác, $H=9m$ dày 3,0mm, cần đèn CD 04 cao 2m, vươn 1,5m.

- Mỗi vị trí chiếu sáng được bố trí đơn lẻ, đóng ngắt qua hệ thống rơ le hẹn giờ hoặc được điều khiển từ xa bằng bộ điều khiển.

e) Tường chắn, ốp mái

- Thiết kế tường chắn đất phía taluy dương bằng bê tông xi măng cấp độ bền B15 (*mác 200*), dài $L=31m$, cao trung bình $H=5m$. Phía trên đỉnh tường chắn được thiết kế ốp mái bê tông xi măng cấp độ bền B15 (*mác 200*) có hệ khung dầm bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (*mác 200*).

- Thiết kế cải tạo và nắn chỉnh lòng suối tránh gây xói lở nền đường. Kích thước trung bình lòng suối rộng 8,0m, sâu 5,0m. Mái taluy đắp được thiết kế chân khay bê tông xi măng cấp độ bền B15 (*mác 200*), rộng 50cm, sâu 2,0m; ốp mái bằng bê tông xi măng cấp độ bền B15 (*mác 200*) dày 15cm có bố trí gia cường lưới thép D6, dưới đệm vữa xi măng mác 100 dày 5cm dọc theo đoạn suối. Chiều dài nắn chỉnh lòng suối $L=237m$.

- Các đoạn tuyến có nền đường đắp cao thiết kế lan can thép mạ kẽm, chân lan can được chôn trong móng bằng bê tông xi măng cấp độ bền B15 (*mác 200*) để đảm bảo an toàn cho các phương tiện tham gia giao thông và đặc biệt là người đi bộ trên vỉa hè. Phần hộ lan bê tông xi măng được sơn trắng đỏ 2 nước tạo mỹ quan. Mỗi khoảng lan can dài 5,8m, cao 1,05m.

- Các vị trí bố trí tường chắn và ốp mái: Theo hồ sơ thiết kế BVTC.

4.2.9. Thiết kế an toàn giao thông: Thiết kế đầy đủ hệ thống vạch sơn, biển báo theo Điều lệ báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

4.2.10. Các chi tiết khác: Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, hồ sơ hoàn công.

5. Chủ thể tham gia xây dựng công trình

5.1. Chủ đầu tư: UBND huyện Bắc Yên.

5.2. Đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện Bắc Yên.

5.3. Nhà thầu tư vấn Quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện Bắc Yên.

5.4. Nhà thầu tư vấn khảo sát, thiết kế công trình: Liên danh Công ty TNHH xây dựng Tuấn Phúc và Công ty cổ phần Điện Tân Thành.

5.5. Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng: Công ty TNHH xây dựng Tuấn Phúc Sơn La.

5.6. Nhà thầu thi công xây dựng: Công ty TNHH Xây dựng và thương mại Tiến Anh.

5.7. Đơn vị thực hiện thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm kiểm định chất lượng xây dựng (LAS-XD 1761) thuộc Công ty cổ phần tư vấn kiểm định HB.

5.8. Nhà thầu bảo hiểm công trình xây dựng: Công ty bảo hiểm toàn cầu Sơn La.

6. Tổng mức đầu tư: 198.979,0 triệu đồng.

7. Nguồn vốn: Nguồn thu từ sử dụng đất ngân sách tỉnh.

8. Thời gian thực hiện: Năm 2023-2026.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA

1. Hiện trạng chất lượng của hạng mục công trình, công trình xây dựng

Công trình Đường nội thị thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên đang trong quá trình thi công xây dựng và hoàn thiện trong đó: (1) Các hạng mục đã thi công xong gồm: 02 cống hộp (*cống hộp khẩu độ $n \times (B \times H) = 2 \times (4 \times 4) m$ tại lý trình $Km1+029.66$ và $n \times (B \times H) = 1 \times (4 \times 4) m$ tại lý trình $Km1+227.27$*); (2) Các hạng mục đang thi công: Hạng mục nền đường: Đã thi công 1.957/2.462m từ lý trình $Km0+110.48$ đến $Km0+673.21$ và từ lý trình $Km0+762.64$ đến $Km2+157.21$; hệ thống thu nước mặt đường, bao gồm: Cống dọc đường kính D800 đã thực hiện được 197m/3.869m, cống dọc đường kính D1500 thực hiện được 226m/443m, hố ga đã lắp đặt 13/333 hố; hạng mục cống tròn đang triển khai công tác lắp dựng cốt thép và đổ bê tông ống cống; (3) Các phần việc, hạng mục còn lại chưa thi công: Mặt đường, nút giao, hè phố, hệ thống cấp nước sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy, mương thoát nước, tường chắn, ốp mái và hệ thống an toàn giao thông.

Qua công tác kiểm tra xác suất bằng trực quan tại hiện trường, các hạng mục công trình đã thi công hoàn thành cơ bản phù hợp yêu cầu về kích thước, hình dạng theo hồ sơ thiết kế BVTC được phê duyệt. Tại thời điểm kiểm tra các hạng mục công trình không có hiện tượng nghiêng, lún, võng; các bộ phận kết cấu chính của các hạng mục công trình làm việc ở trạng thái ổn định. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số nội dung như sau:

- Chất lượng thi công nền đường: Tiến hành kiểm tra độ chặt nền đường tại 11 vị trí¹, có 06 vị trí² chưa đạt yêu cầu; kiểm tra vị trí cọc 64 lý trình Km1+029.66 chưa đảm bảo độ dốc mái taluy, nền đường tại vị trí sát mái taluy đắp chưa đạt độ chặt theo hồ sơ thiết kế (*theo báo cáo kiểm tra chất lượng công trình của trung tâm Giám định chất lượng và Quy hoạch xây dựng*). Các vị trí không đạt độ chặt theo yêu cầu ($K \geq 95\%$): 06 vị trí gồm các cọc 45, 50, 97 với độ chặt thực tế dao động từ 92,2% đến 94,1%.

- Kiểm tra mái taluy đắp tại Km1+029.66: Mái taluy chưa đạt độ dốc theo thiết kế. Nền tại vị trí sát mái taluy chưa đạt độ chặt theo thiết kế, có nguy cơ ảnh hưởng đến ổn định kết cấu vỉa hè.

- Vị trí cống hộp tại lý trình Km1+029,66: Hệ thống thoát nước phía hạ lưu chưa thực hiện thanh thải dẫn đến không đảm bảo khả năng tiêu thoát nước, có nguy cơ gây úng ngập, ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác công trình.

- Công tác thi công, bố trí cốt thép ống cống tròn: Khoảng cách giữa các hàng thép đai chưa phù hợp theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

2. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật

2.1. Hồ sơ quản lý chất lượng công trình xây dựng: Hồ sơ thiết kế BVTC, hồ sơ pháp lý, hồ sơ quản lý chất lượng công trình xây dựng công trình đã tuân thủ các quy định về công tác quản lý chất lượng công trình theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ Xây dựng và các quy định hiện hành; năng lực của các tổ chức tham gia thực hiện dự án đạt yêu cầu. Tuy nhiên còn tồn tại một số nội dung sau:

- Chưa cung cấp được phiếu kết quả thí nghiệm nén 3 cạnh cấu kiện bê tông cống tròn.

- Chưa cung cấp chứng chỉ xuất xứ vật liệu đầu vào đối với vật liệu đưa vào công trình.

- Nhật ký thi công chưa cập nhật đến thời điểm kiểm tra.

¹ Cọc 22 (vị trí 1) Km0+259.61; cọc 22 (vị trí 2) Km0+259.61; cọc 54 Km0+865.63; cọc 64 Km1+29.66; cọc 76 Km1+133.17; cọc 45 (vị trí 1) Km1+988.41; cọc 45 (vị trí 2) Km1+988.41; cọc 50 (vị trí 1) Km2+64.57; cọc 50 (vị trí 2) Km2+64.57; cọc 97 (vị trí 1) Km1+133.17; cọc 97 (vị trí 2) Km1+133.17.

² Cọc 45 (vị trí 1) Km1+988.41; cọc 45 (vị trí 2) Km1+988.41; cọc 50 (vị trí 1) Km2+64.57; cọc 50 (vị trí 2) Km2+64.57; cọc 97 (vị trí 1) Km1+133.17; cọc 97 (vị trí 2) Km1+133.17.

2.2. Công tác an toàn - vệ sinh lao động:

- Công tác đảm bảo an toàn lao động trên công trường xây dựng: Chủ đầu tư và đơn vị thi công đã có biện pháp đảm bảo an toàn lao động; tuy nhiên tại thời điểm kiểm tra, tuyến đường đang thi công hiện chưa được thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông theo quy định, cụ thể: chưa bố trí đầy đủ hệ thống biển báo, biển cảnh báo, cờ tín hiệu, thiết bị cảnh giới; chưa bố trí nhân công túc trực hướng dẫn, phân luồng giao thông... gây tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn trong khu vực thi công.

- Công tác quản lý bảo vệ môi trường xây dựng: Chủ đầu tư và Nhà thầu thi công đã cơ bản thực hiện công tác vệ sinh môi trường tại công trình và khu vực lân cận.

2.3. Công tác quản lý chất lượng thi công xây dựng và các công tác khác:

- Chủ đầu tư đã cung cấp đầy đủ hồ sơ điều kiện năng lực của các nhà thầu tham gia xây dựng dự án/công trình, các tổ chức và cá nhân có liên quan tham gia xây dựng công trình đảm bảo điều kiện năng lực theo quy định tại Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

- Công tác bảo hiểm trong hoạt động xây dựng: Đã thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành.

- Quy trình bảo trì công trình xây dựng: Chủ đầu tư chưa tổ chức thực hiện lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng.

III. YÊU CẦU ĐỐI VỚI CHỦ ĐẦU TƯ

1. Chỉ đạo các đơn vị (*thi công, giám sát, quản lý dự án*) tăng cường công tác tổ chức thực hiện, kiểm tra chất lượng công trình xây dựng và công tác quản lý chất lượng theo quy định; khắc phục các nội dung còn tồn tại nêu trên; chủ động kiểm tra, kiểm soát các loại vật liệu đầu vào phục vụ thi công xây dựng công trình (*nguồn gốc, xuất xứ, chủng loại...*), biên bản lấy mẫu thí nghiệm, kết quả thí nghiệm, biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công. Nghiêm túc thực hiện công tác đảm bảo an toàn-vệ sinh lao động trên công trường theo đúng quy định.

2. Chủ đầu tư và nhà thầu khẩn trương bổ sung hồ sơ để đủ điều kiện nghiệm thu, đào bóc lại, thi công lại mái taluy và nền sát taluy. Đồng thời bổ sung giải pháp gia cố nếu cần, các giải pháp khác để đảm bảo độ chặt theo yêu cầu $K \geq 95\%$ tại các vị trí kiểm tra; rà soát, kiểm tra lại các vị trí đắp nền đường khác để đảm bảo theo yêu cầu (*Biên bản khắc phục phải được lập đầy đủ*), cung cấp bổ sung bản vẽ thi công, ảnh hiện trường và kết quả thí nghiệm để kiểm chứng và làm cơ sở nghiệm thu.

3. Nghiên cứu, rà soát lại nguồn vốn bổ sung hệ thống an toàn giao thông tại các vị trí tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn đồng thời triển khai thực hiện việc tổ

chức giao thông và thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông theo quy định tại Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ đảm bảo tuân thủ quy định.

4. Đẩy nhanh giải phóng mặt bằng, tăng cường công tác giám sát đối với đơn vị thi công đảm bảo tiến độ các công việc thực hiện đúng kế hoạch.

5. Bố trí kinh phí thuê tổ chức tham gia thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo điểm c khoản 1 Điều 16 Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

6. Chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn và nhà thầu thi công chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý, tính chính xác của các thông tin, hồ sơ, tài liệu trong hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình và chất lượng công trình xây dựng theo quy định.

Trên đây là nội dung thông báo của Sở Xây dựng tỉnh Sơn La, đề nghị UBND huyện Bắc Yên tổ chức thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, QLCL&GDCTXD (HT 03b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Phúc